TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 9 – 2025
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Duyên Văn Hiền

2. Bà Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Châu Yến B, sinh năm: 2002 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L.B, xã K.B, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn N, sinh năm: 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã K.B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 07/8/2025, chị Châu Yến B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn N xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K.B.Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị B cho rằng thời gian đầu vợ chồng đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau thì tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây rỗ, cải vả, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh N mỗi người sống một nơi khoảng 05 tháng nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung: Chị B xác định giữa chị và anh N có 01 người con chung là Trần Kiều M, sinh ngày 24/5/2025, hiện con đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để ổn định tâm lý và cuộc sống, vì con còn rất nhỏ, đồng thời chị yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị B xác định giữa chị và anh N không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị B khai rằng giữa chị và anh N không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Trần Văn N vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Châu Yến B và anh Trần Văn N là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Trần Văn N: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, do anh N trực tiếp nhận các văn bản tố tụng và thông qua mẹ ruột anh N là bà Trần Thị H nhận thay các văn bản tố tụng, có cam kết giao lại ngay tận tay cho anh N nhưng anh N vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Châu Yến B, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Châu Yến B và anh Trần Văn N xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2024 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cải vã, gây rỗ, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị B và anh N được gia đình hai bên động viên ở lại để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị B cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh N, vì tình cảm không còn và tương lai,

hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị B được ly hôn anh N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trần Kiều M, sinh ngày 24/5/2025 còn rất nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện do chị B đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nên tình cảm, tâm lý, sự gắn bó, yêu thương, môi trường sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, tiếp tục giao cháu M cho chị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị B yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Thấy rằng, hiện tại chưa có căn cứ xác định việc làm và thu nhập của anh N, tuy nhiên, xét điều kiện lao động phổ thông, lao động tự do của anh N, mức sống, mức lương tối thiểu vùng, mức sinh hoạt thường ngày tại địa phương đối với một trẻ và theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu vùng do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Mức lương tối thiểu vùng hiện nay do Nhà nước quy định tại Nghị định 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ kèm theo Danh mục địa bàn vùng đối với xã Trần Văn Thời là 3.860.000đ. Vì vậy, buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.900.000đ là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Chị B xác định giữa chị và anh N không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị B khai rằng giữa chị và anh N không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Châu Yến B về việc ly hôn anh Trần Văn N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Kiều M, sinh ngày 24/5/2025 cho chị Châu Yến B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh Trần Văn N không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Kiều M mỗi tháng 1.900.000đ. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Châu Yến B phải chịu 300.000đ. Ngày 12 tháng 8 năm 2025, chị B đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 11609 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

7. Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh Trần Văn N phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Quyền kháng cáo: Chị Châu Yến B và anh Trần Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hứa Minh Hải

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã K.B, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.